

# Algebraic Expression – Biểu Thức Đại Số

Nguyễn Quân Bá Hồng\*

Ngày 6 tháng 2 năm 2023

## Tóm tắt nội dung

**Nội dung.** Biểu thức số, biểu thức đại số; đa thức 1 biến, nghiệm của đa thức 1 biến; phép cộng, phép trừ đa thức 1 biến; phép nhân đa thức 1 biến; phép chia đa thức 1 biến.

## Mục lục

<b>1</b>	<b>Biểu Thức Số. Biểu Thức Đại Số – Algebraic Expression</b>	<b>2</b>
<b>2</b>	<b>Đa Thức 1 Biến. Nghiệm của Đa Thức 1 Biến</b>	<b>3</b>
<b>3</b>	<b>Phép <math>\pm</math> Đa Thức 1 Biến</b>	<b>5</b>
<b>4</b>	<b>Phép Nhân Đa Thức 1 Biến</b>	<b>6</b>
<b>5</b>	<b>Phép Chia Đa Thức 1 Biến</b>	<b>6</b>
	<b>Tài liệu</b>	<b>6</b>

---

\*Independent Researcher, Ben Tre City, Vietnam  
e-mail: [nguyenquanbahong@gmail.com](mailto:nguyenquanbahong@gmail.com); website: <https://nqbh.github.io>.

# 1 Biểu Thức Số. Biểu Thức Đại Số – Algebraic Expression

“In mathematics, an *algebraic expression* is an **expression** built up from constant **algebraic numbers**, **variables**, & the **algebraic operations** (addition, subtraction, multiplication, division, & exponentiation by an exponent that is a rational number).” – [Wikipedia/algebraic expression](#)

“**[1]** Các số được nối với nhau bởi dấu của các phép tính tạo thành 1 biểu thức số. Đặc biệt mỗi số đều được coi là 1 biểu thức số. Khi thực hiện các phép tính trong 1 biểu thức số ta được 1 số. Số này gọi là *giá trị* của biểu thức đã cho. **[2]** Biểu thức chỉ chứa chữ hoặc chứa cả số & chữ gọi chung là *biểu thức đại số*. Đặc biệt biểu thức số cũng được coi là biểu thức đại số. Trong 1 biểu thức đại số, các chữ (nếu có) dùng để thay thế hay đại diện cho những số nào đó được gọi là các *biến số* (gọi tắt là các *biến*). Khi thực hiện các phép tính trên các chữ ta có thể áp dụng những tính chất, quy tắc các phép tính như trên các số. **[3]** Để cho gọn: Ta không viết dấu nhân giữa các biến cũng như giữa số & biến. Trong các biểu thức đại số như  $\pm 1x$ , ta không viết thừa số 1. **[4]** Muốn tính giá trị của 1 biểu thức đại số tại những giá trị cho trước của biến ta thay giá trị đã cho của mỗi biến vào biểu thức rồi thực hiện các phép tính. **[5]** Quy ước đọc & viết 1 biểu thức đại số có nhiều phép tính: Phép tính nào làm sau cùng thì đọc trước tiên. Phép tính nào làm trước tiên thì đọc sau.” – Tuyên, 2022, Chap. III, §1, p. 37

Biểu thức	Thứ tự thực hiện các phép tính	Cách đọc
$(x + y)^2$	Tính tổng $\rightarrow$ Tính bình phương	Bình phương của tổng 2 số $x, y$
$(x - y)^2$	Tính hiệu $\rightarrow$ Tính bình phương	Bình phương của hiệu 2 số $x, y$
$(x + y)^3$	Tính tổng $\rightarrow$ Tính lập phương	Lập phương của tổng 2 số $x, y$
$(x - y)^3$	Tính hiệu $\rightarrow$ Tính lập phương	Lập phương của hiệu 2 số $x, y$
$x^2 + y^2$	Tính bình phương của $x, y \rightarrow$ Tính tổng	Tổng các bình phương của 2 số $x, y$
$x^2 - y^2$	Tính bình phương của $x, y \rightarrow$ Tính hiệu	Hiệu các bình phương của 2 số $x, y$
$x^3 + y^3$	Tính lập phương của $x, y \rightarrow$ Tính tổng	Tổng các lập phương của 2 số $x, y$
$x^3 - y^3$	Tính lập phương của $x, y \rightarrow$ Tính hiệu	Hiệu các lập phương của 2 số $x, y$
$(x + y)(x - y)$	Tính tổng & hiệu $\rightarrow$ Tính tích	Tích của tổng 2 số $x, y$ với hiệu của chúng

**Bài toán 1** (Thái et al., 2022, 6., p. 46). *Lãi suất ngân hàng quy định cho kỳ hạn 1 năm là  $r\%$ /năm. Viết biểu thức đại số biểu thị số tiền lãi & tổng tiền gốc lẫn tiền lãi khi hết kỳ hạn 1 năm nếu gửi ngân hàng  $A$  đồng.*

**Bài toán 2** (Thái et al., 2022, 7., p. 46). *Các nhà khoa học đã đưa ra cách ước tính chiều cao của trẻ em khi trưởng thành dựa trên chiều cao  $b$  của bố & chiều cao  $m$  của mẹ ( $b, m$  tính theo đơn vị cm) như sau: Chiều cao của con trai  $= \frac{1}{2} \cdot 1.08(b + m)$ , Chiều cao của con gái  $= \frac{1}{2}(0.923b + m)$ . (a) Với chiều cao nào của bố, mẹ thì con trai cao hơn, bằng, thấp hơn con gái?*

**Bài toán 3** (Tuyên, 2022, Ví dụ 42, p. 37). *Cho  $y = 5x$ , tính giá trị của biểu thức  $A = \frac{4x+y}{6x-y}$ .*

**Bài toán 4** (Mở rộng Tuyên, 2022, Ví dụ 42, p. 37). *Cho  $y = kx$ , tính giá trị của biểu thức:*

$$A = \frac{ax + by}{cx + dy}, \quad B = \frac{ax^2 + bxy + cy^2}{dx^2 + exy + fy^2}, \quad C = \frac{a_1x^3 + a_2x^2y + a_3xy^2 + a_4y^3}{b_1x^3 + b_2x^2y + b_3xy^2 + b_4y^3},$$

$$D = \frac{\sum_{i=0}^n a_i x^{n-i} y^i}{\sum_{i=0}^n b_i x^{n-i} y^i} = \frac{a_1x^n + a_2x^{n-1}y + \dots + a_{n-1}xy^{n-1} + a_ny^n}{b_1x^n + b_2x^{n-1}y + \dots + b_{n-1}xy^{n-1} + b_ny^n},$$

với  $a, b, c, d, e, f, a_i, b_i \in \mathbb{R}, \forall i = 1, 2, \dots, n$ .

**Bài toán 5** (Tuyên, 2022, Ví dụ 43, p. 37). *Tính giá trị của biểu thức:  $B = x^2 + 4xy - 3y^3$  với  $|x| = 5, |y| = 1$ .*

**Nhận xét 1.1.** “Biểu thức  $B$  có chứa 2 biến  $x, y$ . Biến  $x$  nhận 2 giá trị, biến  $y$  nhận 2 giá trị do đó ta phải xét đủ 4 trường hợp các cặp giá trị của  $x, y$  dẫn đến biểu thức  $B$  có 4 giá trị khác nhau.” – Tuyên, 2022, p. 38

**Bài toán 6** (Tuyên, 2022, 150., p. 38). *Cho  $A$  là tổng lập phương các số tự nhiên từ 1 đến  $n$  &  $B$  là bình phương của tổng các số tự nhiên từ 1 đến  $n$ . Người ta đã chứng minh được  $A = B$ . Kiểm nghiệm lại bằng cách cho  $n = 1, 2, 3, 4, 5, 6$ .*

**Bài toán 7** (Tuyên, 2022, 151., p. 38). *Tính giá trị của các biểu thức sau với  $x = \sqrt{2}$ : (a)  $(x+1)(x^2-2)$ ; (b)  $(x-1)(x^2+1)+3$ .*

**Bài toán 8** (Tuyên, 2022, 152., p. 38). *Tính giá trị của biểu thức  $M = \frac{2x^2+3x-2}{x+2}$  tại: (a)  $x = -1$ ; (b)  $|x| = 3$ .*

**Bài toán 9** (Tuyên, 2022, 153., p. 38). *Tính giá trị của biểu thức  $N = \frac{6x^2+x-3}{2x-1}$  với  $|x| = \frac{1}{2}$ .*

**Bài toán 10** (Tuyên, 2022, 154., p. 38). *Tính giá trị của biểu thức  $P = 9x^2 - 7x|y| - \frac{1}{4}y^3$  tại  $x = \frac{1}{3}, y = -6$ .*

**Bài toán 11** (Tuyên, 2022, 155., p. 38). *Tìm các giá trị của biến để: (a) Biểu thức  $(x+1)(y^2-6)$  có giá trị bằng 0. (b) Biểu thức  $x^2-12x+7$  có giá trị lớn hơn 7.*

**Bài toán 12** (Tuyên, 2022, 156., p. 38). *Tính giá trị của biểu thức  $Q = \frac{5x^2+3y^2}{10x^2-3y^2}$  với  $\frac{x}{3} = \frac{y}{5}$ .*

Bài toán này là 1 trường hợp nhỏ của Bài toán 4:  $B = \frac{ax^2+bxy+cy^2}{dx^2+exy+fy^2}$  khi  $k = \frac{5}{3}, a = 5, b = 0, c = 3, d = 10, e = 0, f = -3$ .

**Bài toán 13** (Tuyên, 2022, 157., p. 38). *Cho  $x, y, z \in \mathbb{R}, x, y, z \neq 0, x - y - z = 0$ . Tính giá trị của biểu thức  $M = \left(1 - \frac{z}{x}\right) \left(1 - \frac{x}{y}\right) \left(1 + \frac{y}{z}\right)$ .*

**Bài toán 14** (Tuyên, 2022, 158., p. 38). *(a) Tìm GTNN của biểu thức  $G: A = (x+2)^2 + \left(y - \frac{1}{5}\right)^2 - 10$ . (b) Tìm GTLN của biểu thức:  $B = \frac{4}{(2x-3)^2+5}$ .*

**Bài toán 15** (Tuyên, 2022, 159., p. 38). *Cho biểu thức  $C = \frac{5-x}{x-2}$ . Tìm giá trị nguyên của  $x$  để: (a)  $C$  có giá trị nguyên; (b)  $C$  có giá trị nhỏ nhất.*

## 2 Đa Thức 1 Biến. Nghiệm của Đa Thức 1 Biến

“**1** Đơn thức 1 biến là biểu thức đại số chỉ gồm 1 số hoặc 1 tích của 1 số thực với lũy thừa có số mũ nguyên dương của biến đó. Số thực gọi là *hệ số*, số mũ của lũy thừa gọi là *bậc* của đơn thức. E.g., đơn thức  $-3x^4$  có hệ số là  $-3$ , bậc 4. Số 5 là đơn thức có hệ số là 5, bậc 0 (vì  $5 = 5x^0$ ). Số 0 cũng coi là 1 đơn thức nhưng nó không có bậc. **2** Với các đơn thức 1 biến ta có thể: Cộng/trừ 2 đơn thức cùng bậc bằng cách cộng/trừ các hệ số với nhau & giữ nguyên lũy thừa của biến. Nhân 2 đơn thức tùy ý bằng cách nhân 2 hệ số với nhau & nhân 2 lũy thừa của biến với nhau. **3** Đa thức 1 biến là tổng của những đơn thức của cùng 1 biến. Mỗi đơn thức trong tổng gọi là 1 *hạng tử* của đa thức. Đặc biệt, số 0 cũng được coi là 1 đa thức, gọi là *đa thức không*. Ta thường ký hiệu đa thức (1 biến) bằng 1 chữ cái in hoa. E.g.,  $A(x)$  là đa thức 1 biến  $x$  còn  $A(y)$  là đa thức 1 biến  $y$ . **4** Thu gọn đa thức (1 biến) là làm cho đa thức đó không còn 2 đơn thức nào có cùng bậc của biến. Sắp xếp đa thức (1 biến) theo số mũ giảm dần (hoặc tăng dần) của biến là sắp xếp các hạng tử trong dạng đã thu gọn của đa thức đó theo số mũ giảm dần (hoặc tăng dần). **5** Bậc của 1 đa thức 1 biến đã thu gọn (khác đa thức không) là số mũ cao nhất của biến trong đa thức đó. *Chú ý:* Trong dạng thu gọn của đa thức, hệ số của lũy thừa với số mũ cao nhất của biến gọi là *hệ số cao nhất* của đa thức. Hạng tử không chứa biến gọi là *hạng tử tự do* của đa thức. **6** Nghiệm của đa thức 1 biến: Nếu tại  $x = a$  mà đa thức  $P(x)$  có giá trị bằng 0 (i.e.,  $P(a) = 0$ ) thì  $x = a$  là 1 nghiệm của đa thức. **7** 1 đa thức (khác đa thức không) có thể có 1 nghiệm, 2 nghiệm, ... hoặc không có nghiệm nào (0 nghiệm). 1 đa thức bậc  $n$  có không quá  $n$  nghiệm. **8** Mỗi đa thức bậc nhất biến  $x$  đều có thể viết dưới dạng  $ax + b$  trong đó hệ số  $a, b$  là các số cho trước (hằng số),  $a \neq 0$ . Ta gọi đa thức  $ax + b$  như thế là *nhị thức bậc nhất*. Mỗi đa thức bậc 2 biến  $x$  đều có thể viết dưới dạng  $ax^2 + bx + c$  trong đó các hệ số  $a, b, c \in \mathbb{R}, a \neq 0$ <sup>1</sup>, là các số cho trước (hằng số thực). Ta gọi đa thức  $ax^2 + bx + c$  như thế là *tam thức bậc 2*.” – Tuyên, 2022, Chap. III, §2, p. 39

**Bài toán 16** (Thái et al., 2022, 3., p. 52–53). *Cho 2 đa thức  $P(y) = -12y^4 + 5y^4 + 13y^3 - 6y^3 + y - 1 + 9$ ,  $Q(y) = -20y^3 + 31y^3 + 6y - 8y + y - 7 + 11$ . (a) Thu gọn mỗi đa thức trên rồi sắp xếp mỗi đa thức theo số mũ giảm dần của biến. (b) Tìm bậc, hệ số cao nhất & hệ số tự do của mỗi đa thức đó.*

**Bài toán 17** (Thái et al., 2022, 3., pp. 52–53). *Cho đa thức  $P(x) = ax^2 + bx + c, a \neq 0$ . Chứng tỏ: (a)  $P(0) = c$ ; (b)  $P(1) = a + b + c$ ; (c)  $P(-1) = a - b + c$ . (d) Tính  $P(2), P(-2), P(3), P(-3), P\left(\frac{1}{2}\right), P\left(-\frac{1}{2}\right)$ . (e) Tính  $P(x) + P(-x)$  với  $x \in \mathbb{R}$ . (f) Tính  $P(x) + P\left(\frac{1}{x}\right)$  với  $x \in \mathbb{R}$ .*

**Bài toán 18** (Thái et al., 2022, 6., p. 53). *Theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO), đối với bé gái, công thức tính cân nặng chuẩn là  $C = 9 + 2(N - 1)$  kg, công thức tính chiều cao chuẩn là  $H = 75 + 5(N - 1)$  cm, trong đó  $N$  là số tuổi của bé gái. (a) Tính cân nặng chuẩn, chiều cao chuẩn của 1 bé gái 3 tuổi. (b) 1 bé gái 3 tuổi nặng 13.5kg & cao 86cm. Bé gái đó có đạt tiêu chuẩn về cân nặng & chiều cao của Tổ chức Y tế Thế giới hay không?*

**Bài toán 19** (Thái et al., 2022, 7., p. 52–53). *Nhà bác học Galileo Galilei (1564–1642) là người đầu tiên phát hiện ra quãng đường chuyển động của vật rơi tự do tỷ lệ thuận với bình phương của thời gian chuyển động. Quan hệ giữa quãng đường chuyển động  $y$  m & thời gian chuyển động  $x$  s được biểu diễn gần đúng bởi công thức  $y = 5x^2$ . Trong 1 thí nghiệm vật lý, người ta thả 1 vật nặng từ độ cao 180m xuống đất (coi sức cản của không khí không đáng kể). (a) Sau 3s thì vật nặng còn cách mặt đất bao nhiêu m? (b) Khi vật nặng còn cách mặt đất 100m thì nó đã rơi được thời gian bao lâu? (c) Sau bao lâu thì vật chạm đất?*

<sup>1</sup>Vì nếu  $a = 0$ ,  $ax^2 + bx + c$  trở thành đa thức bậc nhất  $bx + c$  chứ không còn là 1 đa thức bậc 2 nữa.

**Bài toán 20** (Thái et al., 2022, 8., p. 53). Pound là 1 đơn vị đo khối lượng truyền thống của Anh, Mỹ & 1 số quốc gia khác. Công thức tính khối lượng  $y$  kg theo  $x$  pound là  $y = 0.45359237x$ . (a) Tính giá trị của  $y$  kg khi  $x = 100$  pound. (b) 1 hãng hàng không quốc tế quy định mỗi hành khách được mang 2 va li không tính cước; mỗi va li cân nặng không vượt quá 23 kg. Hỏi với va li cân nặng 50.99 pound sau khi quy đổi sang kilogram & được phép làm tròn đến hàng đơn vị thì có vượt quá quy định trên hay không?

**Bài toán 21** (Tuyên, 2022, Ví dụ 44, p. 40). Cho các đơn thức  $A = -\frac{4}{9}ax^3$ ,  $B = \frac{3}{8}ax^5$  trong đó  $a \in \mathbb{R}$  là số đã biết (hằng số). Có giá trị nào của biến  $x$  làm cho  $A$  &  $B$  cùng có giá trị âm không?

**Nhận xét 2.1.** “Trong đơn thức cũng như trong đa thức nói chung, ngoài chữ chỉ biến số có thể còn có những chữ khác đại diện cho những số đã biết mà ta gọi là hằng số.” – Tuyên, 2022, p. 40

**Bài toán 22** (Tuyên, 2022, Ví dụ 45, p. 40). Cho các đa thức  $f(x) = ax^3 + 4x(x^2 - 1) + 8$ ,  $g(x) = x^3 - 4x(bx + 1) + c - 3$  trong đó  $a, b, c \in \mathbb{R}$  là những hằng số. (a) Thu gọn & sắp xếp mỗi đa thức trên theo số mũ giảm dần của biến. (b) Xác định các hệ số  $a, b, c$  để  $f(x) = g(x)$ .

**Nhận xét 2.2.** “2 đa thức cùng biến bằng nhau  $\Leftrightarrow$  các hệ số của lũy thừa cùng bậc bằng nhau.” – Tuyên, 2022, p. 40

I.e., với  $P(x) = \sum_{i=0}^n a_i x^i = a_n x^n + a_{n-1} x^{n-1} + \cdots + a_1 x + a_0$ ,  $Q(x) = \sum_{i=0}^m b_i x^i = b_m x^m + b_{m-1} x^{m-1} + \cdots + b_1 x + b_0$ ,  $m, n \in \mathbb{N}$ ,  $a_i, b_j \in \mathbb{R}$ ,  $\forall i = 1, 2, \dots, n$ ,  $\forall j = 1, \dots, m$ , thì

$$P(x) = Q(x), \forall x \in \mathbb{R} \Leftrightarrow \begin{cases} m = n, \\ a_i = b_i, \forall i = 1, 2, \dots, n. \end{cases}$$

**Bài toán 23** (Tuyên, 2022, Ví dụ 46, p. 40). Cho đa thức  $f(x) = x^2 + 4x - 5$ . (a) Số  $-5$  có phải là nghiệm của  $f(x)$  không? (b) Viết tập hợp  $S$  tất cả ác nghiệm của  $f(x)$ .

**Nhận xét 2.3.** “Đa thức có tổng các hệ số bằng 0 thì có 1 nghiệm là 1. Nếu tổng các hệ số bậc chẵn bằng tổng các hệ số bậc lẻ thì đa thức có 1 nghiệm là  $-1$ ” – Tuyên, 2022, p. 40

I.e., với  $P(x) = \sum_{i=0}^n a_i x^i = a_n x^n + a_{n-1} x^{n-1} + \cdots + a_1 x + a_0$ ,  $n \in \mathbb{N}$ ,  $a_i \in \mathbb{R}$ ,  $\forall i = 1, 2, \dots, n$ , thì

$$\begin{aligned} \sum_{i=0}^n a_i &= 0 \Leftrightarrow P(1) = 0, \\ \sum_{i=0, i:2}^n a_i &= \sum_{i=0, i \not\equiv 2}^n a_i \Leftrightarrow P(-1) = 0. \end{aligned}$$

Thật vậy, vì  $P(1) = \sum_{i=0}^n a_i 1^i = a_n 1^n + a_{n-1} 1^{n-1} + \cdots + a_1 1 + a_0 = a_n + a_{n-1} + \cdots + a_1 + a_0 = \sum_{i=0}^n a_i$  &  $P(-1) = \sum_{i=0}^n a_i (-1)^i = a_n (-1)^n + a_{n-1} (-1)^{n-1} + \cdots + a_1 (-1) + a_0 = \sum_{i=0, i:2}^n a_i - \sum_{i=0, i \not\equiv 2}^n a_i$ .

**Bài toán 24** (Tuyên, 2022, 160., p. 40). Cho biểu thức  $M = (4a + 1)x^3$  với  $a \in \mathbb{R}$  là hằng số. Hỏi biểu thức  $M$  có phải là đơn thức không? Nếu  $M$  là đơn thức thì cho biết bậc của  $M$  & hệ số của nó.

**Bài toán 25** (Tuyên, 2022, 161., p. 40). Viết đơn thức  $64x^6$  dưới dạng lũy thừa của 1 đơn thức.

**Bài toán 26** (Tuyên, 2022, 162., p. 40). Cho 3 đơn thức  $M = -5x$ ,  $N = 11x$ ,  $P = \frac{7}{5}x^2$ . Chứng minh 3 đơn thức này không thể có cùng giá trị dương.

**Bài toán 27** (Tuyên, 2022, 163., p. 41). Cho đơn thức  $A = 5m(x^2)^2$ ,  $B = -\frac{2}{m}x^4$  trong đó  $m$  là hằng số dương. (a) 2 đơn thức  $A$  &  $B$  có cùng bậc không? (b) Tính hiệu  $A - B$ . (c) Tính giá trị nhỏ nhất của hiệu  $A - B$ .

**Bài toán 28** (Tuyên, 2022, 164., p. 41). Viết các số tự nhiên sau dưới dạng 1 đa thức thu gọn: (a)  $\overline{xxx}$ ; (b)  $\overline{x1x2}$ .

**Bài toán 29** (Tuyên, 2022, 165., p. 41). Cho đa thức  $A(x) = x^8 - 101x^7 + 101x^6 - 101x^5 + \cdots + 101x^2 - 101x + 25$ . Tính  $A(100)$ .

**Bài toán 30** (Tuyên, 2022, 166., p. 41). Cho  $f(x) = (8x^2 + 5x - 10)^{49}(3x^3 - 10x^2 + 6x + 1)^{50}$ . Sau khi thu gọn thì tổng các hệ số của  $f(x)$  là bao nhiêu?

**Bài toán 31** (Tuyên, 2022, 167., p. 41). Cho tam thức bậc 2  $f(x) = ax^2 + bx + c$  trong đó  $7a + b = 0$ . Hỏi  $f(10)f(-3)$  có thể là số âm không?

**Bài toán 32** (Tuyên, 2022, 168., p. 41). Cho nhị thức bậc nhất  $f(x) = ax + b$ . Xác định các hệ số  $a, b$ . Biết  $f(1) = 2$ ,  $f(3) = 8$ .

**Bài toán 33** (Tuyên, 2022, 169., p. 41). Cho tam thức bậc 2  $f(x) = ax^2 + bx + c$ . Xác định các hệ số  $a, b, c$  biết  $f(1) = 4$ ,  $f(-1) = 8$ , &  $a - c = -4$ .

**Bài toán 34** (Tuyên, 2022, 170., p. 41). Cho  $f(x) = 2x^2 + ax + 4$  ( $a \in \mathbb{R}$  là hằng số),  $g(x) = x^2 - 5x - b$  ( $b \in \mathbb{R}$  là hằng số). Tìm các hệ số  $a, b$  sao cho  $f(1) = g(2)$  &  $f(-1) = g(5)$ .

**Bài toán 35** (Tuyên, 2022, 171., p. 41). Tìm nghiệm của đa thức sau: (a)  $(x - 3)(4 - 5x)$ ; (b)  $x^2 - 2$ ; (c)  $x^2 - \sqrt{3}$ ; (d)  $x^2 + 2x$ .

**Bài toán 36** (Tuyên, 2022, 172., p. 41). Thu gọn rồi tìm nghiệm của đa thức sau: (a)  $f(x) = x(1 - 2x) + (2x^2 - x + 4)$ ; (b)  $g(x) = x(x - 5) - x(x + 2) + 7x$ .

**Bài toán 37** (Tuyên, 2022, 173., p. 41). Xác định hệ số  $m$  để các đa thức sau nhận 1 là nghiệm: (a)  $mx^2 + 2x + 8$ ; (b)  $7x^2 + mx - 1$ ; (c)  $x^5 - 3x^2 + m$ .

**Bài toán 38** (Tuyên, 2022, 174., p. 41). Cho đa thức  $f(x) = x^2 + mx + 2$ . (a) Xác định  $m$  để  $f(x)$  nhận  $-2$  là 1 nghiệm. (b) Tìm tập hợp các nghiệm của  $f(x)$  ứng với giá trị vừa tìm được của  $m$ .

**Bài toán 39** (Tuyên, 2022, 175., p. 41). Cho các nhị thức bậc nhất  $f(x) = ax + b$  &  $g(x) = bx + a$ . Chứng minh nếu  $x_0$  là nghiệm của  $f(x)$  thì  $\frac{1}{x_0}$  là nghiệm của  $g(x)$ .

**Bài toán 40** (Tuyên, 2022, 176., p. 41). Cho biết  $(x - 1)f(x) = (x + 4)f(x + 8)$ ,  $\forall x \in \mathbb{R}$ . Chứng minh  $f(x)$  có ít nhất 2 nghiệm.

**Bài toán 41** (Mở rộng Tuyên, 2022, 176., p. 41). Cho biết  $(x + a)f(x + b) = (x + c)f(x + d)$ ,  $\forall x \in \mathbb{R}$ , với  $a, b, c, d \in \mathbb{R}$ , khác nhau đôi một. Chứng minh  $f(x)$  có ít nhất 2 nghiệm.

### 3 Phép $\pm$ Đa Thức 1 Biến

“**1** Để cộng 2 đa thức 1 biến theo hàng ngang ta thực hiện theo các bước sau: (a) Viết mỗi đa thức vào trong ngoặc & nối với nhau bởi dấu cộng. (b) Bỏ dấu ngoặc rồi nhóm các hạng tử cùng bậc theo thứ tự giảm dần/tăng dần. (c) Thực hiện phép tính trong từng nhóm ta được tổng cần tìm. Ta cũng có thể cộng 2 đa thức 1 biến theo cột dọc bằng cách: (a) Thu gọn & sắp xếp mỗi đa thức theo thứ tự giảm dần/tăng dần. (b) Đặt các đa thức theo cột dọc, các hạng tử cùng bậc thẳng cột với nhau. (c) Cộng từng cột ta được tổng cần tìm. **2** Để trừ 2 đa thức 1 biến theo hàng ngang ta thực hiện như sau: (a) Viết mỗi đa thức vào trong ngoặc & nối với nhau bởi dấu trừ. (b) Bỏ dấu ngoặc rồi nhóm các hạng tử cùng bậc theo thứ tự giảm dần/tăng dần. (c) Thực hiện phép tính trong từng nhóm ta được hiệu cần tìm. Ta cũng có thể trừ 2 đa thức theo cột dọc, tương tự như cộng 2 đa thức theo cột dọc. **3** Phép cộng đa thức cũng có tính chất như phép cộng các số thực.” – Tuyên, 2022, Chap. III, §3, p. 42

**Bài toán 42.** Tính: (a)  $ax^k + bx^k$ ,  $\forall a, b \in \mathbb{R}$ ,  $\forall k \in \mathbb{N}$ . (b)  $ax^k + bx^k + cx^k$ ,  $\forall a, b, c \in \mathbb{R}$ ,  $\forall k \in \mathbb{N}$ . (c)  $\sum_{i=1}^n a_i x^k = a_1 x^k + a_2 x^k + \dots + a_n x^k$ ,  $\forall a_i \in \mathbb{R}$ ,  $\forall i = 1, 2, \dots, n$ ,  $\forall k \in \mathbb{N}$ .

**Bài toán 43** (Thái et al., 2022, Ví dụ 1, p. 55). Tính tổng của 2 đa thức:  $P(x) = 5x^3 + 2x^2 + 3x + 1$  &  $Q(x) = 2x^3 - 4x^2 + 2x + 2$ .

**Bài toán 44** (Thái et al., 2022, 1., p. 59). Cho 2 đa thức:  $R(x) = -8x^4 + 6x^3 + 2x^2 - 5x + 1$  &  $S(x) = x^4 - 8x^3 + 2x + 3$ . Tính: (a)  $R(x) + S(x)$ ; (b)  $R(x) - S(x)$ .

**Bài toán 45** (Thái et al., 2022, 2., p. 59). Xác định bậc của 2 đa thức là tổng, hiệu của:  $A(x) = -8x^5 + 6x^4 + 2x^2 - 5x + 1$  &  $B(x) = 8x^5 + 8x^3 + 2x - 3$ .

**Bài toán 46** (Thái et al., 2022, 3., p. 59). Bác Ngọc gửi ngân hàng thứ nhất 90 triệu đồng với kỳ hạn 1 năm, lãi suất  $x\%/năm$ . Bác Ngọc gửi ngân hàng thứ 2 80 triệu đồng với kỳ hạn 1 năm, lãi suất  $(x + 1.5)\%/năm$ . Hết kỳ hạn 1 năm, bác Ngọc có được cả gốc & lãi là bao nhiêu: (a) Ở ngân hàng thứ 2? (b) Ở cả 2 ngân hàng?

**Bài toán 47** (Thái et al., 2022, 4., p. 59). Người ta rót nước từ 1 can đựng 10 lít nước sang 1 bể rộng có dạng hình lập phương với độ dài cạnh 20cm. Khi mực nước trong bể cao  $h$  cm thì thể tích nước trong can còn lại là bao nhiêu? Biết  $1l = 1dm^3$ .

**Bài toán 48** (Thái et al., 2022, 5., p. 59). D hay S? (a) Tổng của 2 đa thức bậc 4 luôn luôn là đa thức bậc 4. (b) Hiệu của 2 đa thức bậc 4 luôn luôn là đa thức bậc 4. (c) Tổng & hiệu của 2 đa thức bậc  $n \in \mathbb{N}$  luôn là đa thức bậc  $n$ .

**Bài toán 49** (Tuyên, 2022, Ví dụ 47, p. 42). Cho các đa thức biến  $x$ :  $A = 7x + 5a$ ,  $B = 2x - 9a$ ,  $C = x + 10a$ , trong đó  $a$  là hằng số,  $a, x \in \mathbb{Z}$ . Không cần thực hiện phép nhân, cho biết tích  $ABC$  có giá trị là 1 số chẵn hay lẻ?

**Nhận xét 3.1.** “Trong phép nhân các số nguyên, tích là 1 số lẻ thì tất cả các thừa số đều là số lẻ. Tích là số chẵn thì có ít nhất 1 thừa số là số chẵn.”

I.e.,  $\prod_{i=1}^n a_i = a_1 a_2 \cdots a_n : 2 \Leftrightarrow \exists i \in \{1, 2, \dots, n\} \text{ s.t. } a_i : 2$  (ký hiệu  $\exists$  là tồn tại).  $\prod_{i=1}^n a_i = a_1 a_2 \cdots a_n \not: 2 \Leftrightarrow a_i \not: 2, \forall i = 1, 2, \dots, n$ .

**Bài toán 50** (Tuyên, 2022, 177., p. 42). Cho đa thức  $A = 7x^4 - 2x^3 + x - 9$ ,  $B = -5x^4 + 2x^3 - 4x^2 - 6x - 1$ . Tính tổng  $A + B$  & hiệu  $A - B$  bằng 2 cách.

**Bài toán 51** (Tuyên, 2022, 178., p. 42). Tính tổng  $S = \overline{a1} + \overline{a17} + \overline{1a} - \overline{1a7}$ .

**Bài toán 52** (Tuyên, 2022, 179., p. 42). Chứng minh tổng của 4 số lẻ liên tiếp thì chia hết cho 8.

**Bài toán 53** (Tuyên, 2022, 180., p. 42). Cho đa thức  $A = 16x^4 - 8x^3 + 7x^2 - 9$ ,  $B = -15x^4 + 3x^3 - 5x^2 - 6$ ,  $C = 5x^3 + 3x^2 + 18$ . Chứng minh ít nhất 1 trong 3 đa thức này có giá trị dương với mọi  $x \in \mathbb{R}$ .

**Bài toán 54** (Tuyên, 2022, 181., p. 42). Cho đa thức  $A = 2x^2 + |7x - 1| - (5 - x + 2x^2)$ . (a) Thu gọn  $A$ . (b) Tìm  $x \in \mathbb{R}$  để  $A$  có giá trị bằng 2.

**Bài toán 55** (Tuyên, 2022, 182., p. 43). Cho  $f(x) + g(x) = 6x^4 - 3x^2 - 5$ ,  $f(x) - g(x) = 4x^4 - 6x^3 + 7x^2 + 8x - 9$ . Tìm các đa thức  $f(x), g(x)$ .

**Bài toán 56** (Tuyên, 2022, 183., p. 43). Cho  $f(x) = x^{2n} - x^{2n-1} + \cdots + x^2 - x + 1$ ,  $g(x) = -x^{2n+1} + x^{2n} - x^{2n-1} + \cdots + x^2 - x + 1$ , với  $n \in \mathbb{N}$ . Tính giá trị của hiệu  $f(x) - g(x)$  tại  $x = \frac{1}{10}$ .

**Bài toán 57** (Tuyên, 2022, 184., p. 43). Bên trong khu đất hình vuông cạnh 3x m có khu vực chăn nuôi hình chữ nhật kích thước x m & 5m. (a) Tính diện tích  $S$  còn lại để làm vườn cây. (b) Tìm nghiệm của đa thức  $S$ .

## 4 Phép Nhân Đa Thức 1 Biến

## 5 Phép Chia Đa Thức 1 Biến

### Tài liệu

Thái, Đỗ Đức, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, and Phạm Đức Quang (2022). *Toán 7 Tập 2*. Cánh Diều. Nhà Xuất Bản Đại Học Sư Phạm, p. 127.

Tuyên, Bùi Văn (2022). *Bài Tập Nâng Cao & Một Số Chuyên Đề Toán 7*. Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam, p. 168.